TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2025/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 23 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hồng.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 110/2025/TLST-VLĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 45/2025/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Bà Kim Thị D, sinh năm 1992; thường trú: Ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Kim Thị D1, sinh năm 1995; thường trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ liên hệ: Tổ A, khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH T2; địa chỉ: Số F, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 địa chỉ: Số F, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2025). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Kim Thị D trình bày:

Vào khoảng năm 2010 đến năm 2011 bà có làm việc tại Công ty cổ phần K với vị trí công nhân chỉnh lý gỗ, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 sáng đến 16 giờ 30 chiều, chưa kể tăng ca. Bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội số 7413226623. Đến khoảng tháng 04/2011 bà có làm việc tại Công ty TNHH G có tham gia đóng bảo hiểm số 741110369.

Khoảng tháng 04/2025 bà đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng 12/2010 đến 04/2011. Lý do bị trùng bảo hiểm xã hội: Vào tháng 12/2010 em gái bà tên Kim Thị D1 chưa đủ 18 tuổi, nhưng gia đình khó khăn, cần có công việc làm để tăng thu nhập nên bà có cho em Kim Thị Diễm M chứng minh nhân dân của bà số 334798689 do Công an tỉnh T cấp cho bà để xin việc làm tại Công ty TNHH T2. Do bà thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho em gái bà mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 là không vi phạm gì. Vì vậy, bà nộp đơn yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Kim Thị D và Công ty TNHH T2 là vô hiệu.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Kim Thị D1 trình bày:

Vào khoảng tháng 12/2010, bà chưa đủ 18 tuổi nên bà mượn thông tin và giấy tờ tùy thân của chị gái Kim Thị D để tham gia lao động và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH T2. Bà có tham gia đóng bảo hiểm xã hội với mã số sổ 7410048299, bà làm việc hết tháng 04/2011 thì nghỉ việc. Cùng thời gian này, bà D đang làm việc tại Công ty cổ phần K. Đến tháng 04/2025, bà D tiến hành làm thủ tục thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm. Nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Kim Thị D và Công ty TNHH T2 vô hiệu thì tôi đồng ý. Thời điểm bà D1 nghỉ việc tại Công ty TNHH T2 đã giải quyết hết chế độ cho bà nên không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T2 là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Kim Thị D có giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 từ tháng 12/2010 đến tháng 04/2011 thì nghỉ việc. Quá trình bà D làm việc, công ty có tham gia bảo hiểm xã hội, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên Công ty TNHH T2 không còn lưu trữ hồ sơ lao động của bà Kim Thị D nên không thể cung cấp cho Toà án. Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty đều phải có hồ sơ xin việc,

sơ yếu lý lịch đầy đủ, có xác nhận của chính quyền địa phương, công ty không biết việc bà Kim Thị Diễm M giấy tờ của bà Kim Thị D để làm việc tại Công ty, do khi tuyển dụng, số người lao động ứng tuyển tại công ty rất lớn. Nay bà Kim Thị D yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Kim Thị D và Công ty TNHH T2 vô hiệu thì Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Toà án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH T2 cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho Bà Kim Thị D sinh năm 1992, số CCCD 084192010031, với mã số BHXH 7410048299 có quá trình tham gia BHXH, BHYT từ tháng 12/2010 đến tháng 04/2011 chưa nhân trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, BHXH thành phố D còn phát hiện Bà Kim Thị D còn có mã số 7411110369 có quá trình tham gia BHXH, BHYT từ tháng 04/2011 đến tháng 04/2011 tại Công ty TNHH G. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa Bà Kim Thị D và Công ty TNHH T2, đề nghị Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu của bà Kim Thị D là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng: Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Bà Kim Thị D, bà Kim Thị D1, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội thành phố D và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH T2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2011, người lao động tên Kim Thị D, sinh năm 1992, căn cước công dân số 084192010031 được Công ty TNHH T2, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7411110369. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH T2 và bà D phát sinh từ tháng 12/2010 cho đến tháng 04/2011 hai bên có ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà D và bà D1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 và thực tế làm việc tại công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 12/2010 cho đến tháng 04/2011 là bà Kim Thị Diễm C không phải bà Kim Thị D. Do bà D1 chưa đủ tuổi nên bà D đã cho bà D1 mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà D và bà D1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội, cụ thể trong thời gian từ tháng 4/2011 cho đến tháng 04/2011 bà D có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH G.

[2.2] Xét thấy, việc bà Kim Thị D1 sử dụng chứng minh nhân dân của bà Kim Thị D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Kim Thị D bị trùng từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2011. Do đó, bà D yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH T2 với bà Kim Thị D vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà D và ý kiến của bà D1 về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH T2 trong giai đoạn từ tháng 12/2010 đến tháng 4/2011 là bà Kim Thị D1, không phải là bà Kim Thị D; bà D, bà D1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7411110369.

[2.5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Kim Thị D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Kim Thị D.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Kim Thị D với Công ty TNHH T2 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410048299) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410048299 là bà Kim Thị D1, sinh ngày 01/01/1995; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam; không phải là bà Kim Thị D, sinh ngày 01/01/1992, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 084192010031. Bà Kim Thị D và bà Kim Thị D1 có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410048299.

2. Về lệ phí: Bà Kim Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008275 ngày 09/5/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNHỌP

Trần Thị Hồng